TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2025/DS-ST
Ngày 28-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Nam

2. Ông Phạm Ngọc Nguyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1251/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2025/QĐST-DS, ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Công ty cổ phần M1

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Tổng Giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0110652086, đăng ký lần đầu ngày 18/3/2024, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 11/7/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M - Giám đốc trung tâm xử lý nợ và ông Võ Ngọc D - Trưởng phòng xử lý nợ miền nam (theo văn bản ủy quyền số 06/2024/UQ-TGĐ, ngày 11/7/2024).

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Minh T1 - Chuyên viên xử lý nợ của Công ty cổ phần M1; Địa chỉ: Tầng D, số A T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền số 7611/2024/UQ-XLN-JUPITER, ngày 13/11/2024). (Có mặt)

1.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100233583, đăng ký lần đầu ngày 08/9/1993, đăng ký thay dổi lần thứ 41 ngày 27/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T2 - Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (theo văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024).

Người được ủy quyền lại: Ông Vương Lê Vĩnh N và ông Đặng Minh T3. Địa chỉ: Tầng A, số E T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (theo giấy ủy quyền ngày 10/01/2025). (Vắng mặt, có đơn xin vắng)

- *Bị đơn:* 1. Ông Trần Trọng H, sinh năm 1974.

2. Bà Phan Kim L, sinh năm 1975.

Cùng cư trú: Số B, đường T, khóm G, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V do ông Vương Lê Vĩnh N là đại diện theo ủy quyền và Công ty cổ phần M1 do ông Trần Minh T1 là đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) có cho bà Phan Kim L và ông Trần Trọng H vay tiền theo các hợp đồng tín dụng với nội dung cụ thể như sau:

1. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 23/5/2023 của ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L thì V1 đã đồng ý cấp hạn mức thẻ tín dụng với số tiền 250.000.000 đồng; lãi suất vay được thỏa thuận theo quy định tại điều khoản sử dụng thẻ tín dụng; mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Ông H và bà L đã sử dụng hạn mức với số tiền 70.000.000 đồng.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2305269269830, ngày 02/6/2023 với hạn mức vay 4.900.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc các loại; thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất vay thể hiện trong từng khế ước nhận nợ, cụ thể: lãi trong hạn: 10.8%/năm (cố định trong ba tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên

là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày đầu tiên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3,7% một năm); Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Thực hiện theo hợp đồng hạn mức này thì ngày 03/6/2023 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 4.900.000.000 đồng cho bà L và ông H, theo các khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ ngày 02/6/2023, với số tiền 2.000.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng;

Khế ước nhận nợ ngày 02/6/2023, với số tiền 2.000.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng;

Khế ước nhận nợ ngày 02/6/2023, với số tiền 900.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên thì ông H đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 671352, số vào sổ cấp GCN: CH 05880 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 16/11/2015 cho ông Trần Trọng H. Nội dung bổ sung quyền sở hữu nhà ở ngày 16/5/2018. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 02/6/2023 giữa bên thế chấp ông Trần Trọng H với bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh A; hợp đồng được Phòng C chứng nhận số 1038, quyển số: 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2023 và được Văn phòng Đ chi nhánh L1 xác nhận đăng ký bảo đảm vào cùng ngày.

Quá trình vay, đối với hợp đồng cho vay hạn mức số LN2305269269830 ngày 02/6/2023, ông H và bà L chỉ thanh toán nợ cho Ngân hàng đến ngày 14/10/2023, sau đó thì ngưng không trả nữa. Từ ngày 15/10/2023, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn và dư nợ của khoản vay này tính đến ngày 28/4/2025 là 6.126.744.927, trong đó: vốn 4.900.000.000 đồng và lãi 1.226.744.927 đồng.

Đối với Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 23/5/2023, bà L và ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 07/3/2024 và dư nợ của khoản vay thẻ tính đến ngày 28/4/2025 là 110.392.524 đồng, trong đó: vốn 65.780.680 đồng và lãi 44.611.844 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 28/4/2025 ông H và bà L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 6.237.137.450 đồng, trong đó: vốn 4.965.780.680 đồng, lãi 1.271.356.770 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều tạo điều kiện trả nợ nhưng đến nay ông H và bà L vẫn không thực hiện.

Ngày 29/6/2024, Ngân hàng đã đồng ý bán và Công ty cổ phần M1 (Công ty M1) đã đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng/hợp đồng cho vay ký giữa Ngân hàng với ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L, cụ thể như sau: 90% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2305269269830 ngày 02/6/2023 và 100% khoản nợ thẻ phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 23/5/2023. Vì vậy, Công ty M1 sẽ kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng trên và các biện pháp bảo đảm kèm theo.

Do ông H và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng yêu cầu ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L liên đới trách nhiệm trả cho Công ty M1 và Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 28/4/2025 là 6.237.137.450 đồng, trong đó: vốn 4.965.780.680 đồng và lãi 1.271.356.770 đồng, gồm:

Trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 5.624.462.958 đồng, trong đó: vốn 4.475.780.680 đồng, lãi là 1.148.682.278 đồng.

Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 612.674.493 đồng, trong đó: vốn 490.000.000 đồng, lãi 122.674.493 đồng.

Yêu cầu ông H và bà L tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 29/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký cho đến khi ông H và bà L thanh toán hết nợ cho Công ty M1 và Ngân hàng (tương ứng với số tiền còn phải thanh toán cho Công ty và Ngân hàng). Trường hợp ông H và bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ thì Công ty và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty và Ngân hàng. Nếu tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông H và bà L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty và Ngân hàng.

Công ty M1 và Ngân hàng xác định trong vụ án này chỉ tranh chấp với ông H và bà L, không tranh chấp hay yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác có liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng mua bán nợ giữa các bên.

Về hiện trạng tài sản thế chấp Công ty M1 và Ngân hàng thống nhất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2024 do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thực hiện trong quá trình tố tụng.

Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Công ty M1 và Ngân hàng yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M1, cụ thể: Buộc ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng và Công ty M1 tổng số tiền tính đến ngày 28/4/2025 là 6.237.137.450 đồng, trong đó: vốn 4.965.780.680 đồng và lãi 1.271.356.770 đồng, gồm: trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 5.624.462.958 đồng, trong đó: vốn 4.475.780.680 đồng, lãi là 1.148.682.278 đồng và trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 612.674.493 đồng, trong đó: vốn 490.000.000 đồng, lãi 122.674.493 đồng.

Kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng và Công ty M1 thì ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp ông H và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp ngày 02/6/2023 giữa ông Trần Trọng H với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh A được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng và Công ty M1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với bị đơn ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L. Ông H và bà L xác lập hợp đồng và có nơi cư trú tại số B, đường T, khóm G, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của ông H, bà L theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng, nên được xem là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông H, bà L theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo Phiếu xác minh ngày 16/12/2024 do Công an phường M thì ông H, bà L cư trú tại số B, đường T, khóm G, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V ủy quyền cho ông Vương Lê Vĩnh N (theo Văn bản ủy quyền số 169/2025/UQ-PGĐ, ngày 10/01/2025) và Công ty cổ phần M1 ủy quyền cho ông Trần Minh T1 (theo Văn bản ủy quyền số 7611/2024/UQ-XLN-JUPITER, ngày 13/11/2024), là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ông N và ông T1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo nội dung văn bản ủy quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L có ký kết hợp đồng cho vay hạn mức, các khế ước nhận nợ, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP V để vay tiền theo các nội dung như phía nguyên đơn trình bày nêu trên. Quá trình vay, ông H và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng vay đã ký và các khoản nợ đều đã chuyển sang quá hạn. Căn cứ vào các hợp đồng trên thì tính đến ngày 28/4/2025 tổng số tiền ông H và bà L còn nợ nguyên đơn là 6.237.137.450 đồng, trong đó: vốn 4.965.780.680 đồng và lãi 1.271.356.770 đồng. Dù đã nhiều lần tạo điều kiện, nhưng phía ông H và bà L không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện.

[2.2] Để đảm bảo cho các khoản vay trên thì ông Trần Trọng H đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05880 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 16/11/2015 cho ông Trần Trọng H. Nội dung bổ sung quyền sở hữu đối với nhà ở riêng lẻ ngày 16/5/2018. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 02/6/2023 giữa bên thế chấp ông Trần Trọng H với bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh A; hợp đồng được Phòng C chứng nhận số 1038,

quyển số: 06/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2023 và được Văn phòng Đ chi nhánh L1 xác nhận đăng ký bảo đảm vào cùng ngày.

[2.3] Bị đơn ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Ông H và bà L cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy ông bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Xét thấy, hợp đồng cho vay hạn mức, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông H và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu như trên là có căn cứ. Đối với hợp đồng thế chấp ngày 02/6/2023, thấy rằng hợp đồng có nội dung và hình thức được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm, được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L1 xác nhận, nên có căn cứ để chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cùng lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1, về việc yêu cầu ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 số tiền tính đến ngày 28/4/2025 là 6.237.137.450 đồng, trong đó: vốn 4.965.780.680 đồng và lãi 1.271.356.770 đồng, gồm: trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 5.624.462.958 đồng, trong đó: vốn 4.475.780.680 đồng, lãi là 1.148.682.278 đồng và trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 612.674.493 đồng, trong đó: vốn 490.000.000 đồng, lãi 122.674.493 đồng.

Kể từ ngày 29/4/2025, ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng và Công ty. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng và Công ty theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 02/6/2023, được ký kết giữa ông Trần Trọng H với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông H và bà L cho Ngân hàng và Công ty. Tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 22, tọa

lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05880 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 16/11/2015 cho ông Trần Trọng H. Nội dung bổ sung quyền sở hữu nhà ở riêng lẻ, ngày 16/5/2018.

[2.5] Đối với, việc mua bán nợ giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/2024/VPB-JUPITER, hợp đồng mua bán nợ số 01/2024/VPB-JUPITER, cùng ngày 29/6/2024. Thấy rằng, việc mua bán nợ là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật; hơn nữa, quá trình giải quyết các đương sự cũng không ý kiến hay tranh chấp vấn đề gì khác có liên quan đến việc mua bán nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, Công ty cổ phần M1 được kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ từ Ngân hàng TMCP V theo các hợp đồng và các biện pháp bảo đảm được ký kết giữa ông H, bà L với Ngân hàng, tương đương với tỷ lệ nhận chuyển nhượng trong hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng mua bán nợ, cùng ngày 29/6/2024 mà các bên đã ký kết.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng, nhưng Công ty cổ phần M1 đã nộp tạm ứng số tiền này, do đó ông H và bà L phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty cổ phần M1 600.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 đối với ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L.

Buộc ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 số tiền tính đến ngày 28/4/2025 là 6.237.137.450 đồng (sáu tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy

nghìn, bốn trăm năm mươi đồng), trong đó: vốn 4.965.780.680 đồng và lãi 1.271.356.770 đồng, gồm: trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 5.624.462.958 đồng, trong đó: vốn 4.475.780.680 đồng, lãi là 1.148.682.278 đồng và trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 612.674.493 đồng, trong đó: vốn 490.000.000 đồng, lãi 122.674.493 đồng.

Kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký (tương ứng với số tiền còn phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V). Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 02/6/2023, được ký kết giữa được ký kết giữa ông Trần Trọng H với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông H và bà L cho Ngân hàng và Công ty M1. Tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 1003m^2, thửa đất số 32, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05880 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 16/11/2015 cho ông Trần Trọng H. Nội dung bổ sung quyền sở hữu nhà ở riêng lẻ, ngày 16/5/2018.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng do Công ty cổ phần M1 đã nộp tạm ứng số tiền này, do đó ông H và bà L có trách nhiệm trả lại cho Công ty cổ phần M1 số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Ông Trần Trọng H và bà Phan Kim L phải chịu 114.237.000 đồng (một trăm mười bốn triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền 13.094.000 đồng (mười ba triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001876, ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty cổ phần M1 được nhận lại số tiền 56.544.000 đồng (năm mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001875, ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hà Thị Chiền